

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 07/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng
2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn T, sinh năm 1972, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp Z, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Lê Thị N; vợ Lê Thị T và 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 30/12/2019, tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, tại ngoại đến nay – có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Văn D, sinh năm 1978, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Trần Thị L; vợ Nguyễn Thị Huệ H và 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950 (vắng mặt)

2/ Ông Lê Văn M, sinh năm 1966 (vắng mặt)

3/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1967 (vắng mặt)

5/ Ông Trương Thanh P, sinh năm 1972 (vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Z, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 8, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 30/12/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an tỉnh Vĩnh Long kết hợp cùng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Công an xã H kiểm tra phát hiện Trần Văn T đang cộng phoi số đề tại nhà thuộc ấp 8, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Vật chứng thu giữ của Trần Văn T :

- 01 (Một) phoi số đề ghi trên giấy tập học sinh, có chữ ký xác nhận của Trần Văn T ngày 30/12/2019.

- 02 (Hai) cây viết bíc (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) điện thoại di động Samsung màu hồng, có sim số 1: 0392697998 và sim số 2: 0794234751 (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen, có sim số 0961462924 (đã qua sử dụng).

- Tiền Việt Nam: 406.000 đồng.

Căn cứ Biên bản về việc giải phoi đề ngày 30/12/2019 thì số tiền Trần Văn T bán số đề như sau:

- Số tiền bán số đầu: 50.000 đồng.

- Số tiền bán số đuôi: 150.000 đồng.

- Số tiền bán bao lô 02 con: 14.070.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bán số đề của Trần Văn T vào ngày 30/12/2019 (chưa có kết quả xổ số) là: 14.270.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm B mươi ngàn đồng).

Qua quá trình điều tra bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận vào ngày 30/12/2019 T bán số đề với hình thức số đầu, số đuôi và bao lô dựa trên kết quả xổ số của 03 đài: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau. Những người mua sẽ gọi điện, nhắn tin hoặc đến mua trực tiếp tại nhà của T. Sau đó, T sẽ ghi các con số đề, số tiền của người mua vào phoi (là phoi số đề mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ). Trần Văn T ghi số đề rồi giữ lại làm thầu đề, không có giao phoi lại cho người khác.

Tỷ lệ ăn thua giữa bị cáo Trần Văn T và người mua số đề được xác định là 1/70 (mua số đầu, số đuôi, bao lô 02 con số) tức là mua 1.000 đồng trúng thưởng 70.000 đồng. Đối với người mua bao lô 02 con số thì bị cáo T sẽ thu tiền trên 14 lô (tỷ lệ 14/18 lô).

Cách tính ăn thua với người mua như sau: Đối với người mua mua số đầu, số đuôi và bao lô 02 con số thì bị cáo T căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết của đài Đồng Tháp, Cà Mau và thành phố Hồ Chí Minh mở ngày 30/12/2019, để tính ăn thua cụ thể: nếu người mua mua số đầu thì căn cứ vào giải tám, mua số đuôi thì căn cứ vào hai số cuối của giải đặc biệt (số hàng chục và hàng đơn vị), nếu mua bao lô 02 con số thì căn cứ vào hai con số cuối (số hàng chục và hàng đơn vị) từ giải tám đến giải đặc biệt để tính ăn thua với người chơi.

Bị cáo Trần Văn T mua bán số đề từ ngày 15/12/2019 đến ngày 30/12/2019 thì bị bắt quả tang, T đã bán và thu lợi được 15 ngày, trung bình mỗi ngày thu lợi số tiền là 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng). Như vậy, bị cáo Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngày 30/12/2019, bị cáo Trần Văn T đã bán số đề cho nhiều người trong đó có bị cáo Nguyễn Văn D, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Văn D: mua con số 53, bao lô 03 đài: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau với số tiền 200.000 đồng và mua con số 52 bao lô đài thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 200.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn D mua số đề là 11.200.000 đồng (Mười một triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Nguyễn Thị H: mua con số 74, bao lô đài Đồng Tháp với số tiền 5.000 đồng, mua số đầu với số tiền 50.000 đồng, mua số đuôi với số tiền 50.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị H mua số đề là 170.000 đồng (Một trăm bảy mươi ngàn đồng).

3. Lê Văn M: mua con số 52, bao lô 03 đài thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau với số tiền 10.000 đồng và mua con số 31 bao lô đài Đồng Tháp với số tiền 5.000 đồng. Tổng số tiền Lê Văn M mua số đề là 490.000 đồng (Bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

4. Lê Thị T: mua bao lô các con số 31, 71, 10, 46, 04 đài Đồng Tháp với số tiền mỗi con số là 2.000 đồng. Tổng số tiền Lê Thị T mua số đề là 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi ngàn đồng).

5. Nguyễn Quốc Q: mua con số 41, bao lô 03 đài thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau với số tiền 20.000 đồng. Số tiền Nguyễn Quốc Q mua số đề là 840.000 đồng (Tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

6. Trương Thanh P: mua bao lô các con số 01, 02, 03 và 22 đài thành phố Hồ Chí Minh với số tiền mỗi con số là 15.000 đồng. Tổng số tiền Trương Thanh P mua số đề là 840.000 đồng (Tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

7. Nguyễn Thị B: mua con số 52, bao lô đài Đồng Tháp với số tiền 15.000 đồng, mua số đuôi với số tiền là 100.000 đồng và mua con số 57 bao lô đài Đồng Tháp với số tiền là 5.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị B mua số đề là 380.000 đồng (Ba trăm tám mươi ngàn đồng).

8. Trần Thị Ngọc H: mua con số 32, bao lô đài Đồng Tháp với số tiền 8.000 đồng và con số 23 với số tiền 7.000 đồng. Tổng số tiền Trần Thị Ngọc H mua số đề là 210.000 đồng (Hai trăm mười ngàn đồng) (Bút lục số 91 – 92).

Như vậy, số tiền đánh bạc vào ngày 30/12/2019 của bị cáo Trần Văn T là 14.270.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) và của bị cáo Nguyễn Văn D là 11.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm ngàn đồng).

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động Samsung màu hồng, có sim số 1: 0392697998 và sim số 2: 0794234751 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho Trần Văn T .

- Đối với điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có sim số 0961462924, là điện thoại mà Trần Văn T dùng để liên lạc mua bán số đề nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục tạm giữ chờ xử lý sau.

Ngày 07/01/2020, Trần Văn T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T số tiền đánh bạc là 14.270.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng); nộp số tiền 344.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) và đồng thời tự nguyện dùng số tiền 406.000 (Bốn trăm lẻ sáu ngàn đồng) bị thu giữ lúc bắt quả tang để nộp tiền thu lợi bất chính.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động Nokia, màu đen có sim số 0337213134 là điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn D dùng để liên lạc mua số đề, sau khi bị cáo Trần Văn T bị bắt, do lo sợ nên D đã tháo sim số ra và sau đó đã làm rớt mất điện thoại trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành truy tìm vật chứng trên nhưng không tìm được. Ngày 31/12/2019, D đã giao nộp sim số 0337213134 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSTB ngày 24/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Trần Văn T , Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn T , Nguyễn Văn D thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng hành vi, không oan, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đối với hành vi mua số đề của các đối tượng Nguyễn Thị H, Lê Văn M, Lê Thị T, Nguyễn Quốc Q, Trương Thanh P, Nguyễn Thị B và Trần Thị Ngọc H

chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt mỗi đối tượng số tiền 350.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) về hành vi đánh bạc là có căn cứ.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Văn T , Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T , Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 65; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 65; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đề nghị phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T và bị cáo Nguyễn Văn D, mỗi bị cáo số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính là 15.020.000 đồng và một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) sim điện thoại có số thuê bao là 0337213134 và 0961462924, 02 (Hai) cây viết bic (01 cây viết bic mực màu xanh, 01 cây viết bic mực màu đỏ đều có ký hiệu TL-027)

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (Một) phơi số đề ghi trên giấy tập học sinh, có chữ ký xác nhận của bị cáo Trần Văn T ngày 30/12/2019.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Trần Văn T : Xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Văn D: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 30/12/2019, tại nhà của bị cáo Trần Văn T thuộc ấp 8, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo Trần Văn T đã có hành vi ghi số đề (số đầu, số đuôi và số bao lô 02 con số) dựa theo kết quả xổ số kiến thiết của 03 đài: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau mở thưởng ngày 30/12/2019 (chưa có kết quả xổ số) với số tiền dùng để đánh bạc là 14.270.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn D có hành vi mua số đề (bao lô 02 con số) dựa theo kết quả xổ số kiến thiết của 03 đài: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau mở thưởng ngày 30/12/2019 (chưa có kết quả xổ số) với số tiền dùng để đánh bạc là 11.200.000 đồng (Mười một triệu hai trăm ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn D đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng phạt nhưng vì ham mê cờ bạc các bị cáo lao vào con đường phạm pháp, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về hình phạt bổ sung:

Xét nguyên nhân đánh bạc chủ yếu xuất phát từ nguồn thu lợi bất chính dễ dàng có được. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự cần xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn D một số tiền nhất định nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đối với bị cáo Trần Văn T là đối tượng thuộc hộ cận nghèo, nhưng xét tình tiết có trong hồ sơ vụ án thì bị cáo T là người trực tiếp ghi số đề và làm thầu đề, hành vi của bị cáo là nguy hiểm hơn bị cáo D, là một trong những điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo D nên xét thấy không miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (Hai) sim điện thoại có số thuê bao 0337213134 và 0961462924,

+ 02 (Hai) cây viết bic (01 cây viết bic mực màu xanh, 01 cây viết bic mực màu đỏ đều có ký hiệu TL-027).

Đều là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số Imei1: 354477098587191, số Imei 2: 356935091587193 là công cụ phạm tội.

Hiện các vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/02/2020.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 15.020.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) bị cáo T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số No 000725 ngày 24/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, là tiền thu nhập bất chính, tiền dùng vào việc đánh bạc.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (Một) phôi số đề ghi trên giấy tập học sinh, có chữ ký xác nhận của bị cáo Trần Văn T ngày 30/12/2019.

[2.6] Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Văn T thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là có căn cứ.

[3] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 07/4/2020.

Giao người bị kết án Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3 Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

2.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 07/4/2020.

Giao người bị kết án Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3 Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 02 (Hai) sim điện thoại có số thuê bao 0337213134 và 0961462924,
- 02 (Hai) cây viết bic (01 cây viết bic mực màu xanh, 01 cây viết bic mực màu đỏ đều có ký hiệu TL-027).

3.2 Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số Imei1: 354477098587191, số Imei 2: 356935091587193.

- Số tiền 15.020.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) bị cáo T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số N_o 000725 ngày 24/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.3 Hiện các vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/02/2020.

3.4 Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (Một) phơi số đề ghi trên giấy tập học sinh, có chữ ký xác nhận của bị cáo Trần Văn T ngày 30/12/2019.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

4.1 Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4.2 Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Văn T .

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thanh Thảo